

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ARMEPHACO
ARMEPHACO JOINT STOCK
COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No: ~~443~~ /AMP-CBTT
V/v CBTT về tỷ lệ sở hữu nước
ngoài

Hà Nội, ngày 7 tháng 9 năm 2026
Hanoi, September 7th, 2026

*Sub: Disclosure of information
regarding foreign ownership ratio*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**
**To: - State Securities Commission
- Hanoi Stock Exchange**

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Armephaco
Name of organization: Armephaco Joint Stock Company
- Mã chứng khoán/ Stock Symbol: AMP
- Địa chỉ trụ sở chính: 118 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, Hà Nội
Address: 118 Vu Xuan Thieu, Phuc Loi ward, Ha Noi.
- Điện thoại/Tel: (024) 3875 9466 Fax: (024) 3875 9466
- Website: <https://armephaco.com.vn/>
Email: armephaco@armephaco.com.vn
- Người thực hiện công bố thông tin/Person responsible for information disclosure:
- Họ và tên: Dương Đình Sơn Chức vụ: Tổng giám đốc
Full Name: Duong Dinh Son Position: General Director
Địa chỉ trụ sở chính: 118 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, Hà Nội
Address: 118 Vu Xuan Thieu, Phuc Loi ward, Ha Noi.



Điện thoại/Tel: (024) 3875 9466 Fax: (024) 3875 9466

Loại thông tin công bố: ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu

Type of information disclosed: ☐ Periodic ☒ abnormal ☐ 24h ☐ Upon request

Nội dung thông tin công bố/Content of the disclosed information:

Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 11/09/2025. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Cty cổ phần Armephaco là: 0%.

Notification of the maximum foreign ownership ratio pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP, applicable for a period of 12 months starting from September 11, 2025. The maximum foreign ownership ratio in Armephaco Joint Stock Company is 0%.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/09/2026 tại đường dẫn/*This information was published on the company's website on September 7, 2026 at the following link:*

<https://armephaco.com.vn/wp-content/uploads/2026/09/thongbaotylesohuNN.pdf>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is true and accurate, and we accept full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Trân trọng/*Sincerely!*

Nơi nhận/Recipients:

- Như kính gửi/As above;
- Lưu/Save.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- CV thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (Mẫu số 38); / Official dispatch notifying the maximum foreign ownership ratio (No.28)



CÔNG TY CỔ PHẦN
ARMEPHACO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 406/CV-AMP

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA
TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

Chúng tôi là:

Công ty: Công ty cổ phần Armephaco

Mã chứng khoán: AMP

Website: <https://armephaco.com.vn/>

Địa chỉ liên lạc: 118 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8759466

Fax: 0243.8759476

Email: armephaco@armephaco.com.vn

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là: 0%

Lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Nghị định số 155/2020 ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	0%)	0%	0%	Không áp dụng

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đầu				
2	2011	Sản xuất hóa chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
3	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium)	0%	0%	0%	
4	2029	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
5	4321	Lắp đặt hệ thống điện	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
6	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
7	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và	0%	0%	0%	

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		phần mềm				
8	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	0%	0%	0%	
9	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ các loại Nhà nước cấm); Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
10	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	50%	50%	50%	
11	3314	Sửa chữa thiết bị điện	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
12	3320	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
13	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
14	3700	Thoát nước và xử lý nước thải	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
15	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các	0%	0%	0%	

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		sản phẩm liên quan				
16	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
17	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
18	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	50%	50%	50%	
19	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kiến trúc công trình.	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
20	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
21	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
22	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Doanh nghiệp bán	0%	0%	0%	

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		buôn thuốc.				
23	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	50%	50%	50%	
24	8532	Giáo dục nghề nghiệp	50%	50%	50%	
25	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
26	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	51%	51%	
27	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
28	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
29	3812	Thu gom rác thải độc hại	0%	0%	0%	
30	0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
31	4632	Bán buôn thực phẩm	0%	0%	0%	
32	4633	Bán buôn đồ uống	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
33	9524	Sửa chữa giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
34	3319	Sửa chữa thiết bị khác	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
35	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
36	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
37	3250	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả)	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
38	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
39	3100	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
40	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
41	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
42	1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
43	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại Nhà nước cấm) Sản xuất thực phẩm chức năng.	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
44	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	0%	0%	0%	

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh				
45	8620	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám đa khoa	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
46	8699	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
47	2100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
48	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên	0%	0%	0%	

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		doanh ; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)				
49	4101	Xây dựng nhà để ở	50%	50%	50%	
50	4102	Xây dựng nhà không để ở	50%	50%	50%	
51	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị y tế không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		phân vào đầu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.				
52	8531	Đào tạo sơ cấp	50%	50%	50%	
53	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ những loại nhà nước cấm)	0%	0%	0%	
54	8533	Đào tạo cao đẳng	50%	50%	50%	
55	0231	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
56	0232	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế	
Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là 0%						

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
- Đường link:

[https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/](https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=7fec#)

[Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=7fec#](https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=7fec#)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Dương Đình Sơn